

Vietnam Daily Review

Trước thềm Giáng Sinh, ông già Noel tặng thị trường cây nến đỏ thắm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/12/2021		•	
Tuần 20/12-24/12/2021		•	
Tháng 12/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường đỏ lửa hòa cùng không khí Giáng Sinh sắp tới, VN-Index giảm hơn 20 điểm. Áp lực điều chỉnh dồn ép hầu hết tất cả các ngành, trong đó bộ ba những người bạn cùng lùi “Bằng Chứng Thép” (bank, chứng khoán, thép) tiên phong dẫn đầu đà đi xuống. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm áp đảo số mã tăng. Chỉ 5/19 ngành đứng cảm lợi ngược dòng phù sa trong phiên hôm nay. Ở diễn biến khác, chỉ số hạnh phúc của cổ đông dòng P hẳn đã lên một tầm cao mới khi hàng loạt mã dầu khí tăng điểm, thậm chí còn có mã tăng trần. Nói đi thì cũng phải nói lại, thị trường sụt một phát 20 điểm nghe cũng ghê đấy, nhưng cũng chưa bằng một nửa cơn sóng thần quét sạch 50 điểm của VN-Index hôm 3/12, sau đó thị trường vẫn nhanh chóng hồi lại đó thôi. VN-Index phiên hôm nay đã chạm SMA50 và bật trở lại nên SMA50 sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho chỉ số trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2021, phần lớn các chứng quyền đang giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: BSR_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-20.71** điểm, đóng cửa **1,456.96** điểm. HNX-Index **-10.49** điểm, đóng cửa **442.61** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+0.68)**, **EIB (+0.60)**, **VCG (+0.40)**, **MSN (+0.30)**, **HNG (+0.21)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-3.59)**, **VIC (-3.53)**, **NVL (-1.40)**, **TCB (-1.40)**, **VPB (-1.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **36,019** tỷ đồng, tăng **13.1%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 45,562 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 33 điểm. Thị trường có **141** mã tăng, 36 mã tham chiếu và **335** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-626.38** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-190.92 tỷ)**, **KBC (-94.01 tỷ)**, **GAS (-59.63 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-254.25** tỷ đồng.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1456.96**
Giá trị: 36018.55 tỷ **-20.71 (-1.4%)**
Khối ngoại (ròng): -626.38 tỷ

HNX-INDEX **442.61**
Giá trị: 4480.16 tỷ **-10.49 (-2.32%)**
Khối ngoại (ròng): -254.25 tỷ

UPCOM-INDEX **109.53**
Giá trị: 2588.53 tỷ **-1.4 (-1.26%)**
Khối ngoại(ròng): 8.27 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	72.3	-0.59%
Giá vàng	1,808	0.21%
Tỷ giá USD/VND	22,951	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,966	0.12%
Tỷ giá JPY/VND	20,080	0.08%
LS liên NH 1 tháng	2.0%	22.71%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-8.33%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDG	35.2	MSN	-190.9
DGC	34.9	KBC	-94.0
CRE	29.5	GAS	-59.6
VRE	28.0	TVS	-47.1
VNM	15.6	DXG	-44.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

BSR_Tin hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: BSR đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi hình thành mô hình 2 đáy quanh ngưỡng 21.1. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và kiểm tra ngưỡng MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 22.9, chốt lãi tại ngưỡng 26.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 22.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

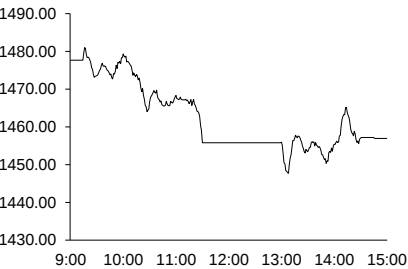
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	3.81%
Dầu khí	1.35%
Du lịch và Giải trí	0.54%
Hóa chất	0.09%
Xây dựng và Vật liệu	0.02%
Thực phẩm và đồ uống	-0.14%
Tài nguyên Cơ bản	-0.20%
Viễn thông	-0.37%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.46%
Bán lẻ	-0.77%
Ngân hàng	-1.15%
Công nghệ Thông tin	-1.20%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.23%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.46%
Y tế	-1.63%
Ô tô và phụ tùng	-1.85%
Bảo hiểm	-2.54%
Bất động sản	-3.00%
Dịch vụ tài chính	-3.82%

Hình 1

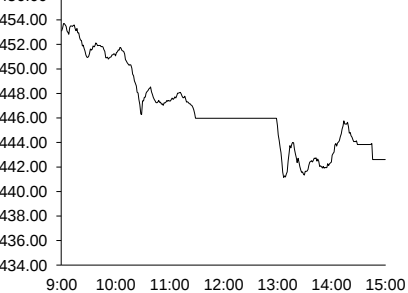
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

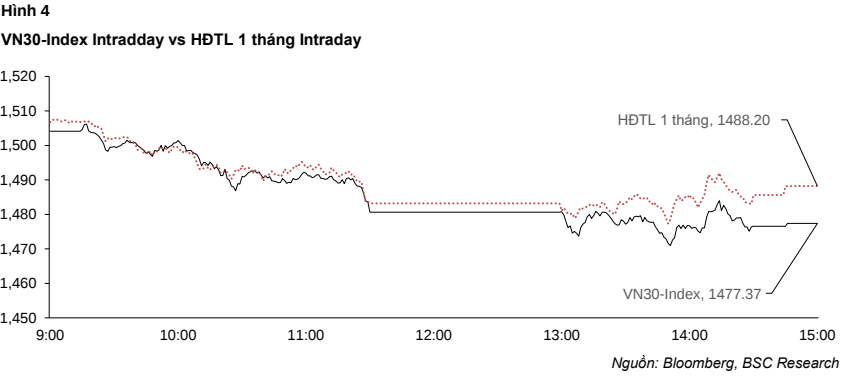
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/22/2021	TDT	14.6	17.3	13.7	15	1	2.74%	Có thể tiếp tục mua
12/21/2021	REE	69	76.5	67.5	70	2	1.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/20/2021	TVB	26.75	32	25	25.8	3	-3.55%	Có thể tiếp tục mua
12/17/2021	TIP	52.5	61.9	48	49.9	6	-4.95%	Có thể tiếp tục mua
12/16/2021	DLG	8.15	10.5	7.5	9.69	7	18.90%	Có thể tiếp tục mua
12/14/2021	PET	32.8	39.5	30	35	9	6.71%	Có thể tiếp tục mua
12/10/2021	CTI	22.65	27	21.5	24.75	13	9.27%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	PVC	14.8	18	14	16	15	8.11%	Có thể tiếp tục mua
11/25/2021	PDR	94.2	108.3	90	94.8	28	0.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/15/2021	SGP	37.5	44	34.2	SL	7	-8.80%
12/13/2021	GEX	40.3	48	38.3	SL	9	-4.96%
12/9/2021	NT2	24	26.5	23	TP	11	10.42%
12/7/2021	POW	14.85	17.5	13.75	TP	8	17.85%
12/6/2021	G36	23.6	30.5	21.6	SL	9	-8.47%
12/3/2021	C69	22	26.5	19.8	SL	3	-10.00%
12/2/2021	HDC	97.9	120	95	SL	21	-2.96%
12/1/2021	VGT	26.9	33.7	24	SL	5	-10.78%
11/30/2021	CTD	80	92.5	73	TP	15	15.63%
11/29/2021	HHV	24.3	28.7	23.2	SL	7	-4.53%
11/26/2021	FCN	18.6	23.95	17.3	TP	13	28.76%
11/24/2021	FPT	97.9	112	95.3	SL	12	-2.66%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	2	6.83%	-4.25%	4.37%	9
Cổ phiếu đã chốt	223	154	14.47%	-7.55%	5.48%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1488.20	-1.31%	10.83	44.6%	191,171	1/20/2022	28
VN30F2201	1488.00	-1.50%	10.63	60.8%	513	2/17/2022	56
VN30F2203	1488.80	-1.02%	11.43	25.3%	114	3/17/2022	84
VN30F2206	1481.00	-1.59%	3.63	23.1%	64	6/16/2022	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 26.75 điểm còn 1477.37 điểm. Các cổ phiếu như VIC, TCB, VPB, VHM, NVL, HDB tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VN30 đã điều chỉnh mạnh xuống gần vùng hỗ trợ 1470 điểm. Phiên giao dịch ngày mai sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ 1470-1500 điểm, Nếu hồi phục, VN-Index có thể tiến về vùng 1500-1520 điểm. Nếu không, VN30 sẽ điều chỉnh xuống vùng 1440 -1460 điểm.

- Các HDTL đồng loạt giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, các HDTL đều tăng trừ VN30F2206. Xét về vị thế mở, chỉ duy nhất HĐ VN30F2206 không thay đổi so với phiên trước, các HĐ còn lại đều giảm. Điểm số giảm cùng với lượng HĐ mở giảm cho thấy xu hướng dòng tiền đang thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC2103	4/27/2022	125	20:1	141,300	21.47%	1,500	700	9.38%	201	3.49	162,199	129,999	123,900
CMWG2110	1/26/2022	34	12:1	398,600	32.00%	2,500	880	2.33%	637	1.38	149,360	131,000	133,600
CMBB2103	1/7/2022	15	1.48:1	53,300	32.60%	3,000	130	0.00%	0	1,300.00	35,555	47,000	27,300
CVRE2110	4/27/2022	125	8:1	57,600	33.92%	1,000	730	0.00%	230	3.18	33,039	29,999	31,000
CVNM2109	1/6/2022	14	4.91:1	552,200	20.08%	2,150	160	0.00%	3	49.54	105,450	95,000	84,700
CKDH2104	1/19/2022	27	2:1	224,200	33.96%	3,500	4,160	-2.35%	3,960	1.05	50,440	44,000	51,700
CPNJ2106	3/14/2022	81	5:1	14,900	30.57%	2,600	2,040	-2.39%	862	2.37	113,800	98,000	93,700
CTCB2105	5/4/2022	132	5:1	472,800	34.55%	3,600	2,400	-4.00%	1,325	1.81	51,000	45,000	47,350
CVIC2106	4/27/2022	125	20:1	107,000	28.69%	1,000	860	-4.44%	390	2.20	117,088	98,888	96,000
CMSN2108	4/27/2022	125	20:1	34,400	38.27%	1,600	1,450	-4.61%	1,087	1.33	195,999	159,999	171,000
CNVL2103	1/19/2022	27	5:1	309,500	30.59%	4,100	2,600	-5.11%	2,495	1.04	121,600	105,000	113,000
CPNJ2108	2/10/2022	49	14:1	37,600	30.57%	1,500	540	-6.90%	242	2.23	111,980	97,000	93,700
CMWG2107	1/6/2022	14	3.32:1	154,700	32.00%	6,600	7,210	-7.21%	7,641	0.94	187,000	165,000	133,600
CTCB2110	2/4/2022	43	7:1	143,800	34.55%	1,500	340	-8.11%	125	2.72	64,150	54,000	47,350
CMWG2109	2/10/2022	49	3.32:1	33,500	32.00%	4,000	7,140	-8.46%	6,907	1.03	114,315	112,954	133,600
CPNJ2107	2/10/2022	49	5:1	2,100	30.57%	2,500	340	-10.53%	104	3.28	146,900	110,000	93,700
CFPT2106	1/10/2022	18	8:1	120,900	25.12%	2,650	700	-12.50%	773	0.91	103,940	89,300	93,200
CNVL2104	4/27/2022	125	20:1	153,100	30.59%	1,300	1,040	-12.61%	683	1.52	129,288	108,888	113,000
CMBB2104	1/19/2022	27	2:1	232,000	32.60%	2,900	200	-20.00%	30	6.67	39,360	32,000	27,300
CSTB2107	1/19/2022	27	2:1	254,800	40.36%	2,600	210	-27.59%	74	2.83	34,400	32,000	27,400
Tổng				3,357,000	31.29%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/12/2021, phần lớn các chứng quyền đang giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CVIC2108 và CVPB2107 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 28.52% và 20.00%. Giá trị giao dịch giảm mạnh -27.67%. CPNJ2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.69% thị trường.

- CMSN2105, CKDH2106, CMWG2108, và CMSN2110 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2109, CSTB2110, CNVL2104, và CPDR2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2105, CMWG2107, và CMWG2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	171.00	0.59	0.51
CTG	32.20	1.74	0.43
VJC	123.90	0.98	0.35
PDR	94.80	0.64	0.13
BID	34.50	0.21	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	96.0	-3.61	-4.26
TCB	47.4	-3.17	-3.84
VPB	32.4	-3.57	-3.77
VHM	82.5	-3.73	-3.71
NVL	113.0	-3.17	-2.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.6	-0.9%	0.9	4,141	5.4	6,130	21.8	5.1	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	93.7	-0.8%	1.0	926	1.4	4,214	22.2	3.8	47.2%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	54.9	-2.8%	1.5	1,772	2.9	2,473	22.2	1.9	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.6	-3.0%	0.5	495	0.9	4,211	11.5	1.5	56.8%	13.7%
VIC	Bất động sản	96.0	-3.6%	0.7	15,883	11.8	1,248	76.9	3.6	13.6%	5.1%
VRE	Bất động sản	31.0	-1.6%	1.1	3,063	11.9	954	32.5	2.3	30.1%	7.4%
VHM	Bất động sản	82.5	-3.7%	1.0	15,619	32.4	8,287	10.0	4.1	23.3%	40.3%
DXG	Bất động sản	34.0	-7.0%	1.3	880	26.4	1,299		2.4	26.4%	10.3%
SSI	Chứng khoán	49.0	-4.1%	1.5	2,093	56.6	2,172	22.6	3.6	38.4%	19.4%
VCI	Chứng khoán	70.5	-4.2%	1.0	1,021	15.2	4,165	16.9	3.7	20.9%	26.7%
HCM	Chứng khoán	43.4	-3.6%	1.5	863	10.5	2,651	16.4	3.4	41.8%	22.1%
FPT	Công nghệ	93.2	-1.9%	0.9	3,677	7.9	4,443	21.0	5.0	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	72.8	-0.7%	0.4	1,039	0.0	4,304	16.9	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	95.2	0.0%	1.3	7,922	6.3	4,283	22.2	3.7	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	52.8	0.0%	1.5	2,917	3.8	2,650	19.9	2.7	17.1%	14.2%
PVS	Dầu khí	26.6	3.1%	1.7	553	11.3	1,186	22.4	1.0	7.2%	4.6%
BSR	Dầu khí	22.9	4.6%	0.8	3,087	21.2	(909)		2.3	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	123.3	-3.6%	0.3	701	0.2	6,020	20.5	4.5	54.3%	22.6%
DPM	Hóa chất	55.5	2.8%	0.8	944	17.6	4,018	13.8	2.4	9.2%	18.6%
DCM	Hóa chất	38.8	0.1%	0.7	893	10.8	1,701	22.8	3.1	5.2%	13.7%
VCB	Ngân hàng	76.5	-0.5%	1.1	15,741	5.0	4,465	17.1	3.3	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	34.5	0.8%	1.3	7,588	3.5	1,947	17.7	2.1	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	32.2	1.7%	1.3	6,728	12.3	3,449	9.3	1.6	25.4%	18.6%
VPB	Ngân hàng	32.4	-3.6%	1.2	6,262	26.1	2,781	11.6	2.3	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	27.3	-1.3%	1.2	4,485	12.1	2,940	9.3	1.8	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	32.5	-0.6%	1.0	3,818	5.8	3,599	9.0	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	58.5	-4.1%	0.7	208	0.2	2,574	22.7	2.1	84.5%	9.1%
NTP	Nhựa	58.4	-2.7%	0.5	299	0.2	3,574	16.3	2.5	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	27.4	-2.5%	0.7	1,309	1.1	39	702.6	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.0	-0.3%	1.1	8,742	51.6	7,087	6.3	2.4	23.8%	45.6%
HSG	Thép	35.1	2.2%	1.4	753	13.7	8,806	4.0	1.6	8.2%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	84.7	-0.8%	0.6	7,696	7.9	4,511	18.8	5.7	54.6%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	146.9	-0.5%	0.8	4,096	0.9	5,883	25.0	4.4	62.5%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	171.0	0.6%	0.9	8,777	74.3	2,031	84.2	9.4	32.0%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	24.7	2.9%	1.2	674	7.7	1,066	23.1	1.9	7.4%	8.3%
ACV	Vận tải	80.0	-2.0%	0.8	7,572	0.1	577	138.6	4.6	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	123.9	1.0%	1.1	2,918	3.7	2,271		4.0	16.5%	7.7%
HVN	Vận tải	23.1	0.0%	1.7	2,224	2.5	(6,523)		21.4	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	46.3	-3.0%	1.0	607	5.4	1,443	32.1	2.4	40.7%	7.4%
PVT	Vận tải	23.7	3.9%	1.3	334	3.1	2,443	9.7	1.5	12.9%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	115.5	-0.4%	0.9	803	0.3	10,231	11.3	3.9	3.7%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.9	-0.4%	0.4	1,051	4.9	2,122	25.4	3.6	3.5%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	22.1	-2.2%	0.8	367	2.2	1,212	18.2	1.5	2.6%	8.2%
CTD	Xây dựng	95.7	5.7%	1.0	307	5.1	727	131.6	0.9	46.4%	0.7%
CII	Xây dựng	39.1	-6.9%	0.7	406	46.0	12	3301.9	2.0	17.5%	0.1%
REE	Điện	70.0	1.4%	-1.4	941	6.9	5,541	12.6	1.7	49.0%	14.7%
PC1	Điện	38.8	-2.8%	-0.4	397	3.3	2,804	13.8	2.0	5.3%	16.5%
POW	Điện	18.5	-2.6%	0.6	1,884	35.9	1,240	14.9	1.4	2.8%	10.0%
NT2	Điện	26.3	-2.2%	0.5	329	3.2	2,063	12.7	1.8	13.9%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	60.0	0.0%	1.1	1,486	38.3	1,706	35.2	2.2	15.5%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	67.4	-1%	1.1	3,033	3.9			4.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	32.20	1.74	0.70	8.94MLN
EIB	29.20	6.96	0.62	4.00MLN
VCG	53.80	6.96	0.41	17.70MLN
MSN	171.00	0.59	0.31	9.87MLN
HNG	11.75	6.82	0.22	28.19MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-3.67	8.90MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-3.60	2.77MLN	607060
NVL	0.00	-1.43	6.15MLN	373600
TCB	0.00	-1.43	13.50MLN	192700
VPB	0.00	-1.40	18.15MLN	611640

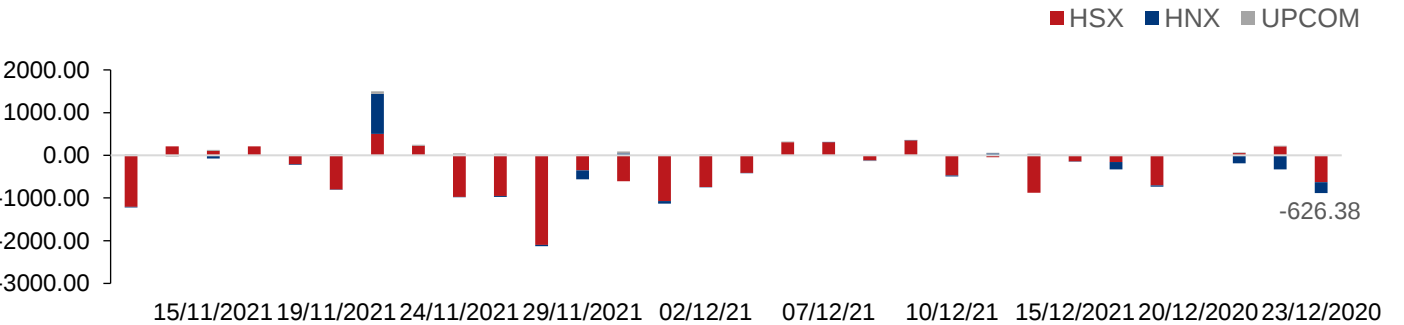
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AAA	21.40	7.00	0.12	18.31MLN
LCM	9.03	6.99	0.00	657800
TTF	13.80	6.98	0.07	16.97MLN
VPH	13.80	6.98	0.02	3.63MLN
EIB	29.20	6.96	0.62	4.00MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXG	33.95	-6.99	-0.40	17.44MLN
DTA	24.00	-6.98	-0.01	211200
DIG	89.60	-6.96	-0.88	10.21MLN
SVC	131.20	-6.95	-0.09	92900
CEE	16.75	-6.94	-0.01	33400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	34.0	1,267	26.8	1.8	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	22.9	-909	#N/A N/A	2.3	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	59.3	-511	#N/A N/A	5.5	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	43.1	3,855	11.2	1.8	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	70.4	8,518	8.3	1.7	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	38.8	1,701	22.8	3.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	159.0	7,258	21.9	5.5	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	118.1	4,942	23.9	7.2	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	71.8	5,988	12.0	3.6	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	55.5	4,018	13.8	2.4	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.6	2,633	12.4	2.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	34.0	1,299	26.1	2.4	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	26.0	839	31.0	1.6	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.2	4,443	21.0	5.0	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	95.2	4,283	22.2	3.7	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.0	7,087	6.3	2.4	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	35.1	8,806	4.0	1.6	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	18.9	-1,113	#N/A N/A	1.8	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	25.7	1,655	15.5	1.2	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	18.0	1,251	14.4	1.3	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	51.7	1,856	27.9	3.4	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	47.2	6,706	7.0	1.6	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	35.8	3,858	9.3	1.0	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	78.0	8,024	9.7	2.5	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.6	6,130	21.8	5.1	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	35.6	9,467	3.8	1.5	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	60.6	4,331	14.0	2.6	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	26.3	2,063	12.7	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.8	2,804	13.8	2.0	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	35.0	2,201	15.9	1.8	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	93.7	4,214	22.2	3.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	93.7	4,214	22.2	3.8	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.5	1,240	14.9	1.4	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	70.0	5,541	12.6	1.7	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	24.7	1066.2	23.1	1.9	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	33.7	1,064	31.7	3.5	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	40.7	16,115	2.5	1.1	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	63.5	2,570	24.7	4.5	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.4	3,114	7.8	2.8	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	27.5	570	48.2	2.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	62.0	4,475	13.9	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	84.7	4,511	18.8	5.7	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	31.0	954	32.5	2.3	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	43.8	3306.9	13.2	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.8	1,559	18.4	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	71.9	3,256	22.1	6.2	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639